

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 6 tháng 7 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QD-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Phụng	Thành viên
		(từ ngày 21 tháng 4 năm 2012)
	Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên
	Ông Trần Chí Nguyễn	Thành viên
		(đến ngày 21 tháng 4 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Chí Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 53. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-212i



Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		570.711.279.659	512.305.839.839
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.884.379.919	51.234.039.499
Tiền	111		36.884.379.919	41.234.039.499
Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130	5	191.003.146.479	172.444.415.707
Phải thu khách hàng	131		171.576.289.523	157.338.248.004
Trả trước cho người bán	132		14.961.122.811	8.167.963.684
Các khoản phải thu khác	135		4.951.566.664	7.642.305.301
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(485.832.519)	(704.101.282)
Hàng tồn kho	140	6	304.068.779.839	285.242.563.772
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.754.973.422	3.384.820.861
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.200.269.597	1.389.895.820
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		945.176.991	1.182.403.094
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.609.526.834	812.521.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		372.057.498.756	404.425.719.573
Tài sản cố định	220		347.292.953.542	386.089.164.507
Tài sản cố định hữu hình	221	7	346.824.141.507	384.737.000.883
Nguyên giá	222		892.096.218.678	881.056.056.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(545.272.077.171)	(496.319.055.715)
Tài sản cố định vô hình	227	8	10.266.580	45.626.212
Nguyên giá	228		912.872.608	912.872.608
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(902.606.028)	(867.246.396)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	458.545.455	1.306.537.412
Bất động sản đầu tư	240	10	1.084.549.756	1.352.250.631
Nguyên giá	241		26.605.778.414	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.521.228.658)	(25.253.527.783)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	18.538.051.690	10.480.000.199
Đầu tư vào các công ty liên doanh	252		9.046.400.719	8.516.396.646
Đầu tư dài hạn khác	258		10.350.000.000	2.550.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(858.349.029)	(586.396.447)
Tài sản dài hạn khác	260		5.141.943.768	6.504.304.236
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.363.806.714	3.464.825.780
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30	210.608.286	288.287.721
Tài sản dài hạn khác	268		380.800.000	377.733.200
Lợi thế thương mại	269	12	1.186.728.768	2.373.457.535
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		942.768.778.415	916.731.559.412

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		444.001.431.147	487.667.624.696
Nợ ngắn hạn	310		434.377.317.081	407.688.876.479
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	235.722.022.799	213.333.983.270
Phải trả người bán	312	14	87.712.859.452	64.302.734.704
Người mua trả tiền trước	313		5.469.125.199	4.733.763.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	11.083.841.880	912.550.492
Phải trả người lao động	315		54.119.506.442	53.597.918.606
Chi phí phải trả	316		661.165.841	970.248.533
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	33.680.257.676	64.784.147.251
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.928.537.792	5.053.529.898
Vay và nợ dài hạn	330		9.624.114.066	79.978.748.217
Phải trả dài hạn khác	333		160.000.000	155.000.000
Vay dài hạn	334	17	9.464.114.066	77.448.837.310
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	-	2.374.910.907
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		437.541.102.341	370.759.288.445
Vốn chủ sở hữu	410	19	437.541.102.341	370.759.288.445
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	2.172.727.273
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(672.746.399)
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	54.578.008.108	53.869.290.107
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	6.519.561.990	6.519.561.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		634.786.078	634.786.078
Lợi nhuận chưa phân phối	420		173.636.018.892	108.235.669.396
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	61.226.244.927	58.304.646.271
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		942.768.778.415	916.731.559.412

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

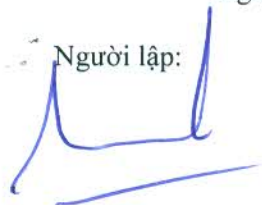
Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ - USD	120.423,96	611.336,73

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.919.695.330.086	1.878.708.572.536
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.056.185.337	1.482.051.618
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.916.639.144.749	1.877.226.520.918
Giá vốn hàng bán	11	25	1.645.003.431.818	1.589.942.374.462
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		271.635.712.931	287.284.146.456
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.011.632.636	12.835.334.918
Chi phí tài chính	22	27	22.090.311.512	66.124.674.150
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.740.025.873	35.862.230.934
Chi phí bán hàng	24		32.259.503.591	34.140.592.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		90.946.584.516	77.486.879.055
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		133.350.945.948	122.367.335.969
Thu nhập khác	31	28	18.977.746.521	32.814.300.046
Chi phí khác	32	29	11.339.334.113	37.184.793.879
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.638.412.408	(4.370.493.833)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	41	11	2.730.004.073	4.170.815.672
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		143.719.362.429	122.167.657.808
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	23.176.457.190	15.540.036.849
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	77.679.435	77.679.435
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		120.465.225.804	106.549.941.524

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		120.465.225.804	106.549.941.524
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	22	7.167.228.689	3.094.441.767
Chủ sở hữu của Công ty	62		113.297.997.115	103.455.499.757
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	5.665	5.963

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	143.719.362.429	122.167.657.808
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	60.039.837.783	61.857.077.965
Các khoản dự phòng	03	53.683.819	3.094.982.173
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.923.538)	4.586.100.830
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.001.734.982)	(9.806.212.017)
Chi phí lãi vay	06	17.740.025.873	35.862.230.934
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	210.547.251.384	217.761.837.693
Biến động các khoản phải thu	09	(20.382.639.385)	7.953.343.757
Biến động hàng tồn kho	10	(18.826.216.067)	(60.656.217.896)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	25.318.969.843	29.016.872.395
Biến động chi phí trả trước	12	290.645.289	(2.508.228.178)
		196.948.011.064	191.567.607.771
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.740.025.873)	(35.820.596.795)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(17.223.351.342)	(22.851.310.081)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.844.483.116)	(3.941.374.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	155.140.150.733	128.954.326.237
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(20.446.806.661)	(39.685.088.654)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	364.000.000	1.512.485.366
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(21.720.000.000)	(15.182.095.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.614.615.796
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	5.653.578.434	4.868.350.515
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)		-	(31.395.699.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(36.149.228.227)	(78.267.431.289)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

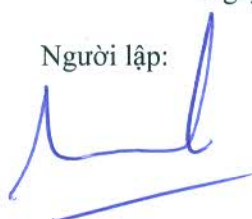
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	55.172.727.273
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.103.549.176.617	1.183.996.970.184
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.149.265.783.522)	(1.244.477.110.757)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(51.404.414.625)	(27.993.210.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(3.112.000.000)	(1.909.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(100.233.021.530)	(35.209.873.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.757.900.976	15.477.021.648
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	51.234.039.499	36.019.714.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	892.439.444	(262.696.381)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	51.234.039.499

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 2.939 nhân viên (31/12/2011: 2.839 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên doanh

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (sau đây gọi chung là “Công ty liên doanh”). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên doanh, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên doanh mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên doanh.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với công ty liên doanh được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để Tập đoàn không bị lỗ trong năm;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá phù hợp với Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 Tháng 10 năm 2012 do Bộ Tài chính quy định về việc công nhận, đo lường và xử lý chênh lệch tỷ giá của các doanh nghiệp. Theo các chính sách kế toán mới, tất cả các chênh lệch tỷ giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát, quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 16 năm

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập từ 1% đến 3% của tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ tối đa của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được tính theo Bộ luật Lao động là 28.9 tỷ VND (31/12/2011: 33 tỷ VND). Khoản này được tính mà không áp dụng phương pháp thống kê xác suất có sử dụng tỷ lệ chiết khấu, tăng lương, tử vong và tỷ lệ tiêu hao trong tương lai.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 18”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Tài khoản 351 – Quỹ trợ cấp mất việc làm) của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này sẽ được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây, các khoản dự phòng và lãi thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ lần lượt tăng và giảm 1.135 triệu VND.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn nằm trong nhóm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tất cả các tài sản tài chính khác nằm trong nhóm các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán đều nằm trong nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(q) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(r) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	403.423.509	410.892.660
Tiền gửi ngân hàng	36.480.956.410	40.823.146.839
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	10.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	70.884.379.919	51.234.039.499

5. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ công ty liên doanh	455.810.836	1.118.229.071
Phải thu từ các bên liên quan khác	5.423.066.520	4.777.141.163
Phải thu từ các bên thứ ba	165.697.412.167	151.442.877.770
Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:	171.576.289.523	157.338.248.004

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi phải thu	169.750.000	187.988.040
Khoản vay phải thu	-	1.749.700.000
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan khác	3.330.922.000	4.280.922.000
Phải thu khác	1.450.894.664	1.423.695.261
Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:	4.951.566.664	7.642.305.301

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.298.349.634	16.295.868.926
Nguyên vật liệu	59.947.424.758	57.928.863.571
Công cụ và dụng cụ	15.875.916	65.434.227
Sản phẩm dở dang	29.583.118.018	31.555.515.549
Thành phẩm	161.437.629.712	165.242.713.561
Hàng hóa	1.120.745.342	124.497.147
Hàng gửi đi bán	12.665.636.459	14.029.670.791
	304.068.779.839	285.242.563.772

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hàng tồn kho của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo các khoản vay cấp cho Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (xem thuyết minh 13).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	120.367.499.191	1.528.685.149	746.670.532.047	12.489.340.211	881.056.056.598
Tăng trong năm	4.510.515.842	-	10.173.132.791	-	14.683.648.633
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	142.616.364	5.530.051.803	938.481.818	6.611.149.985
Tài sản đem góp vốn	(3.954.592.000)	-	(15.751.754)	-	(3.970.343.754)
Thanh lý	-	-	(5.864.715.132)	(419.577.652)	(6.284.292.784)
Số dư cuối năm	120.923.423.033	1.671.301.513	756.493.249.755	13.008.244.377	892.096.218.678
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	75.336.453.579	1.095.189.498	413.228.867.337	6.658.545.301	496.319.055.715
Khấu hao trong năm	5.383.034.818	181.064.632	51.486.568.520	1.499.380.539	58.550.048.509
Tài sản đem góp vốn	(3.296.982.515)	-	(15.751.754)	-	(3.312.734.269)
Thanh lý	-	-	(5.864.715.132)	(419.577.652)	(6.284.292.784)
Số dư cuối năm	77.422.505.882	1.276.254.130	458.834.968.971	7.738.348.188	545.272.077.171
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	45.031.045.612	433.495.651	333.441.664.710	5.830.794.910	384.737.000.883
Số dư cuối năm	43.500.917.151	395.047.383	297.658.280.784	5.269.896.189	346.824.141.507

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 209.760 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 135.651 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 57.848 triệu VND (31/12/2011: 262.650 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	912.872.608
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	867.246.396
Khấu hao trong năm	35.359.632
Số dư cuối năm	902.606.028
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	45.626.212
Số dư cuối năm	10.266.580

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 890 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 779 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.306.537.412	61.632.576.075
Tăng trong năm	5.763.158.028	21.054.172.079
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.611.149.985)	(81.380.210.742)
Số dư cuối năm	458.545.455	1.306.537.412

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.253.527.783
Khấu hao trong năm	267.700.875
Số dư cuối năm	25.521.228.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.352.250.631
Số dư cuối năm	1.084.549.756

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	31/12/2012		VND		Số lượng	31/12/2011		VND
		% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết				% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn liên doanh									
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	9.046.400.719		-	50,00%	50,00%	8.516.396.646
Đầu tư dài hạn khác									
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000		-	12,00%	12,00%	1.800.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	4,36%	4,36%	750.000.000		75.000	8,73%	8,73%	750.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000		-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000		-	-	-	-
				10.350.000.000					2.550.000.000
				19.396.400.719					11.066.396.646
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(858.349.029)					(586.396.447)
				18.538.051.690					10.480.000.199

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	8.516.396.646	38.097.052.234
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	2.730.004.073	4.170.815.672
Cổ tức đã nhận được	(2.200.000.000)	(2.700.000.000)
Biến động lợi ích trong các quỹ của công ty liên doanh	-	(380.000.000)
Chuyển từ công ty liên kết sang công ty con	-	(30.671.471.260)
Số dư cuối năm	9.046.400.719	8.516.396.646

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	586.396.447	547.506.147
Tăng dự phòng trong năm	343.000.000	321.793.016
Hoàn nhập	(71.047.418)	(282.902.716)
Số dư cuối năm	858.349.029	586.396.447

Các công ty trong Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Tên	Địa chỉ		31/12/2012 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2011 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty con		Hợp nhất		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	0%
Công ty liên doanh		Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	3.560.186.302
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.186.728.767
Khấu hao trong năm	1.186.728.767
Số dư cuối năm	2.373.457.534
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.373.457.535
Số dư cuối năm	1.186.728.768

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	231.936.377.172	174.496.705.009
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 17)	3.785.645.627	38.837.278.261
	235.722.022.799	213.333.983.270

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	3,6% - 5,0%	2013	51.166.476.986	13.586.331.217
Khoản vay 2	USD	4,5%	2013	39.152.439.060	44.819.439.952
Khoản vay 3	USD	6,0%	2012	-	8.947.000.648
Khoản vay 4	VND	9,5% - 16,5%	2012	-	10.663.632.875
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 5	VND	12,0% - 16,5%	2012	-	14.719.607.062
Khoản vay 6	VND	10,0% - 10,5%	2013	10.473.978.965	10.773.365.382
Khoản vay 7	USD	4,0% - 4,5%	2013	13.952.352.283	-
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay 8	USD	3,0% - 4,5%	2013	27.128.776.588	51.212.591.220
Khoản vay 9	VND	7,0% - 14,0%	2013	62.476.284.908	-
Khoản vay 10	USD	3,0%	2013	21.197.423.189	-
<i>Ngân hàng ANZ</i>					
Khoản vay 11	USD	3,0%	2013	6.388.645.193	10.327.584.628
Khoản vay 12	USD	4,2%	2012	-	7.034.511.204
<i>Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam</i>					
Khoản vay 13	VND	12,96% - 20,04%	2012	-	2.412.640.821
				231.936.377.172	174.496.705.009

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2011: Không) và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 37.064 triệu VND (31/12/2011: 65.162 triệu VND) (xem thuyết minh số 6 và số 7).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả công ty liên doanh	75.958.154	-
Phải trả các bên liên quan khác	110.382	104.666.155
Phải trả các bên thứ ba	87.636.790.916	64.198.068.549
	87.712.859.452	64.302.734.704

Khoản phải trả các bên liên quan trên không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.330.484.741	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.543.385	111.778.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.656.166.157	703.060.309
Thuế thu nhập cá nhân	75.370.477	84.271.631
Các loại thuế khác	20.277.120	13.440.480
	11.083.841.880	912.550.492

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	577.540.611	572.256.953
Bảo hiểm xã hội	14.010.941	26.987.741
Cổ tức phải trả	31.699.165.376	41.995.340.000
Mua cổ phiếu	-	20.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.389.540.748	2.189.562.557
	33.680.257.676	64.784.147.251

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	13.249.759.693	116.286.115.571
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 13)	(3.785.645.627)	(38.837.278.261)
Hoàn trả sau 12 tháng	9.464.114.066	77.448.837.310

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng vay số 00310/2010/0000177	USD	8,0%	2016	13.249.759.693	17.035.405.320
Hợp đồng vay số 00310/2007/0001361	VND	17,5% - 20,0%	2012	-	5.690.560.249
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	VND	18,0% - 21,5%	2012	-	165.829.759
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	USD	7,6% - 8,0%	2012	-	3.707.561.246
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	VND	17,5% - 20,0%	2012	-	1.105.534.783
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	USD	7,6% - 8,0%	2012	-	19.561.042.966
Khoản vay từ NHTMCP Ngoại thương Việt Nam					
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	VND	16,8% - 19,0%	2012	-	9.116.914.140
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	USD	7,3% - 8,0%	2012	-	12.438.241.661
Hợp đồng vay số 0038/DTDA/09CD	VND	16,8% - 19,0%	2012	-	12.000.000.000
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	VND	16,8% - 19,0%	2012	-	9.900.000.000
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	USD	7,3% - 7,5%	2012	-	21.452.840.000
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam					
Hợp đồng vay số 05-06/TD-QMT/DVT	VND	5,4%	2012	-	148.371.080
Khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng vay số 05/2007/HĐTD-TD2	VND	5,4%	2012	-	3.963.814.367
				13.249.759.693	116.286.115.571

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 20.784 triệu VND (31/12/2011: 197.488 triệu VND) (xem thuyết minh số 7).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	2.374.910.907
Trích lập dự phòng trong năm	103.984.258
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.343.892.948)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.135.002.217)
Số dư cuối năm	-

Trong năm, Tập đoàn áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn hoạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Do áp dụng Thông tư 180, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập khác năm 2012.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 1.767 triệu VND (2011: 1.343 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Đ. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	140.000.000.000	-	(508.770.627)	53.346.686.073	6.360.211.134	1.014.786.078	78.709.436.778	278.922.349.436
Vốn cổ phần đã phát hành	60.000.000.000	2.172.727.273	-	-	-	-	-	62.172.727.273
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	103.455.499.757	103.455.499.757
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	522.604.034	159.350.856	-	(681.954.890)	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	508.770.627	-	-	-	-	508.770.627
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	(672.746.399)	-	-	-	-	(672.746.399)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.247.312.249)	(5.247.312.249)
Phân loại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	(380.000.000)	-	(380.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	200.000.000.000	2.172.727.273	(672.746.399)	53.869.290.107	6.519.561.990	634.786.078	108.235.669.396	370.759.288.445
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	113.297.997.115	113.297.997.115
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	708.718.001	-	-	(708.718.001)	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	672.746.399	-	-	-	-	672.746.399
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.188.929.618)	(7.188.929.618)
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	200.000.000.000	2.172.727.273	-	54.578.008.108	6.519.561.990	634.786.078	173.636.018.892	437.541.102.341

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ tức	-	-	700.000	7.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	-	-	5.300.000	53.000.000.000
Số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	58.304.646.271	14.094.307.852
Lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	43.600.662.946
Phân loại lại quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty con sang nợ ngắn hạn	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	7.167.228.689	3.094.441.767
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	494.931.360	(197.170.908)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(530.561.392)	(378.345.386)
Cổ tức	(4.210.000.001)	(1.909.250.000)
Số dư cuối năm	61.226.244.927	58.304.646.271

23. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 40.000 triệu VND (2011: 28.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011. Ngoài ra, theo thông báo ngày 20 tháng 12 năm 2012, Công ty đã quyết định phân phối cổ tức là 40.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.378.384.771.374	1.126.414.415.848
▪ Bán hàng hóa	521.587.195.871	738.016.318.673
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	13.028.199.246	14.277.838.015
▪ Cung cấp dịch vụ	6.695.163.595	-
	1.919.695.330.086	1.878.708.572.536
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(2.665.615.236)	(841.566.056)
▪ Hàng bán bị trả lại	(390.570.101)	(640.485.562)
	(3.056.185.337)	(1.482.051.618)
Doanh thu thuần	1.916.639.144.749	1.877.226.520.918

25. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.132.080.589.203	886.911.886.556
▪ Hàng hoá đã bán	504.371.357.207	700.625.343.457
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	3.216.643.406	2.405.144.449
▪ Dịch vụ đã cung ứng	5.334.842.002	-
	1.645.003.431.818	1.589.942.374.462

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	905.043.803	468.085.556
▪ Ngân hàng	1.580.296.591	1.958.252.999
Thu nhập từ cổ tức	1.080.000.000	900.000.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	3.077.654.454	3.751.684.242
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	195.479.215	3.931.853.881
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	173.158.573	130.929.500
Lãi từ việc nắm giữ công ty liên kết trước đây chuyển thành công ty con	-	1.694.528.740
	7.011.632.636	12.835.334.918

27. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	17.740.025.873	35.862.230.934
Lỗ từ việc thanh lý đầu tư	-	52.481.488
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	343.000.000	321.793.016
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(71.047.418)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.909.098.022	25.302.067.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	169.235.035	4.586.100.830
	22.090.311.512	66.124.674.150

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	364.000.000	1.512.485.366
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản góp vốn	4.342.390.515	-
Thu nhập từ việc cho thuê máy móc	-	531.023.050
Thu phí tiền điện từ các công ty liên quan	2.572.455.163	15.927.491.992
Bán phế liệu	7.218.952.644	10.488.067.804
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.135.002.217	-
Thu nhập khác	3.344.945.982	4.355.231.834
	18.977.746.521	32.814.300.046

29. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	-	845.474.828
Chi phí cho thuê máy móc	-	508.046.633
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	2.925.547.318	21.353.546.193
Chi phí bán phế liệu	6.348.475.105	9.967.525.748
Chi phí khác	2.065.311.690	4.510.200.477
	11.339.334.113	37.184.793.879

30. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản cố định	210.608.286	288.287.721

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	23.154.925.951	15.347.865.440
Dự phòng thiếu trong những năm trước	21.531.239	192.171.409
	23.176.457.190	15.540.036.849
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	77.679.435	77.679.435
Chi phí thuế thu nhập	23.254.136.625	15.617.716.284

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	143.719.362.429	122.167.657.808
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	35.929.840.607	30.541.914.452
Ưu đãi thuế	(12.554.586.572)	(14.541.347.242)
Chi phí không được khấu trừ thuế	856.059.421	1.119.846.205
Thu nhập không bị tính thuế	(270.000.000)	(1.422.687.500)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(728.708.070)	(272.181.040)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	21.531.239	192.171.409
	23.254.136.625	15.617.716.284

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, hoạt động của Tập đoàn đáp ứng điều kiện số lượng lao động tham gia sản xuất và chế biến các sản phẩm dệt may và do đó Tập đoàn được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho cả năm của năm 2012.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 113.297.997.115 VND (2011: 103.455.499.757 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2011: 17.350.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

2012	2011
VND	VND
113.297.997.115	103.455.499.757

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	20.000.000	14.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	-	2.650.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu cổ tức	-	700.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31-tháng 12	20.000.000	17.350.000

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	70.480.956.410	50.823.146.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	176.042.023.668	164.276.452.023
		246.522.980.078	215.099.598.862

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 1,2% đến 1,5%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp 31/12/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND
Trong hạn	77.654.395.002	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	72.412.828.813	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	25.701.908.813	-
Quá hạn trên 180 ngày	758.723.559	(485.832.519)
	176.527.856.187	(485.832.519)
	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	82.581.576.117	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	61.870.621.756	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	18.669.937.514	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.858.417.918	(704.101.282)
	164.980.553.305	(704.101.282)

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	704.101.282	-
Tăng dự phòng trong năm	193.252.081	704.101.282
Hoàn nhập	(411.520.844)	-
	485.832.519	704.101.282

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	231.936.377.172	234.206.987.150	234.206.987.150	-	-
Phải trả người bán	87.712.859.452	87.712.859.452	87.712.859.452	-	-
Phải trả người lao động	54.119.506.442	54.119.506.442	54.119.506.442	-	-
Chi phí phải trả	661.165.841	661.165.841	661.165.841	-	-
Phải trả khác	33.680.257.676	33.680.257.676	33.680.257.676	-	-
Vay dài hạn	13.249.759.693	15.023.334.670	3.908.468.796	8.738.111.361	2.376.754.513
Phải trả dài hạn khác	160.000.000	160.000.000	160.000.000	-	-
	421.519.926.276	425.564.111.231	414.449.245.357	8.738.111.361	2.376.754.513

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	174.496.705.009	179.766.877.496	179.766.877.496	-	-
Phải trả người bán	64.302.734.704	64.302.734.704	64.302.734.704	-	-
Phải trả người lao động	53.597.918.606	53.597.918.606	53.597.918.606	-	-
Chi phí phải trả	970.248.533	970.248.533	970.248.533	-	-
Phải trả khác	64.784.147.251	64.784.147.251	64.784.147.251	-	-
Vay dài hạn	116.286.115.571	137.059.904.402	41.847.994.908	39.346.984.676	55.864.924.818
Phải trả dài hạn khác	155.000.000	155.000.000	155.000.000	-	-
	474.592.869.674	500.636.830.992	405.424.921.498	39.346.984.676	55.864.924.818

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của các đơn vị Tập đoàn, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.424	611.337
Phải thu khách hàng	2.433.054	2.258.052
Tài sản tiền tệ khác	162.306	219.638
Phải trả người bán	(2.384.781)	(1.740.659)
Vay ngắn hạn	(7.815.046)	(6.526.189)
Vay dài hạn	(454.394)	(3.562.276)
Nợ phải trả tiền tệ khác	(161.073)	(83.362)
	(8.099.510)	(8.823.459)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1 USD	20.828	20.828

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với
lãi thuần sau thuế
VND**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần (1.265.224.457)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần (16.539.750.365)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn	(10.473.978.965)	(15.586.006.203)
	23.526.021.035	(5.586.006.203)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	36.480.956.410	40.823.146.839
Vay ngắn hạn	(221.462.398.207)	(121.269.980.641)
Vay dài hạn	(13.249.759.693)	(85.198.297.304)
	(198.231.201.490)	(165.645.131.106)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm lãi suất cơ bản không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được xác định tương ứng với giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính tài chính này.

(ii) Vay ngắn hạn và các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính được xác định tương ứng với giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính tài chính này.

(iii) Vay dài hạn

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có sẵn giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ dài hạn này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có sẵn giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2012 VND	2011 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	7.000.000.000
Trả cổ tức bằng vốn góp	1.080.000.000	-
Góp vốn bằng tài sản	5.000.000.000	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012	2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Bán thành phẩm	779.717.409	147.934.110	-	-
Doanh thu cho thuê	1.100.000.000	750.000.000	455.810.836	1.118.229.071
Thu nhập khác	1.986.969.368	2.120.297.696	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	9.350.000	-	-
Phân phối cổ tức	(1.494.500.000)	(800.000.000)	(1.494.500.000)	-
Thu nhập cổ tức	2.200.000.000	2.700.000.000	3.330.922.000	3.830.922.000
Mua hàng hóa	(1.158.614.197)	(169.204.120)	(75.958.154)	-
Khoản vay phải thu	-	850.000.000	-	-
Bán cổ phiếu	-	4.800.000.000	-	-
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	197.785.126.856	232.949.672.032	1.856.180.279	707.209.314
Bán dụng cụ và phụ tùng	9.516.392.030	10.285.718.275	-	-
Doanh thu điện	787.751.610	16.770.311.638	-	-
Doanh thu cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820	-	-
Doanh thu gia công	-	521.235.780	-	-
Thu nhập khác	697.324.970	612.991.412	-	-
Mua hàng hóa	(326.633.790.545)	(355.240.292.681)	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú (tiếp theo)				
Khoản vay đã cấp	(5.800.000.000)	(5.000.000.000)	-	-
Thu nhập lãi cho vay	467.770.832	443.055.556	-	-
Phân phối cổ tức	(600.000.000)	(600.000.000)	(600.000.000)	-
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	900.000.000	-	450.000.000
Góp vốn	1.800.000.000	-	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	156.000.000	-	-
Bán cổ phiếu	-	3.600.000.000	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phí thành viên	(140.000.000)	(140.000.000)	-	-
Phân phối cổ tức	(19.710.000.000)	(34.310.000.000)	(19.710.000.000)	(19.710.000.000)
Phí kiểm toán	(113,636,364)	-	-	-
Mua cổ phần Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An	-	(32.782.095.000)	-	(20.000.000.000)
Thanh lý khoản đầu tư tại công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex	-	(1.500.000.000)	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	-	639.915.081	-	345.182.981
Doanh thu gia công	205.708.960	-	-	-
Mua hàng hóa	-	(194.262.285)	-	-
Công ty cổ phần Sợi Phú Bài				
Bán thành phẩm	-	3.600.511.038	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	21.481.408.043	13.939.201.474	969.248.720	2.247.119.370
Doanh thu gia công	-	301.467.360	-	-
Mua hàng hóa	(57.407.779.983)	(23.656.336.644)	(110.382)	(104.666.155)
Công ty cổ phần Vải Thời trang Phong Phước				
Bán thành phẩm	328.493.204	587.639.086	-	-
Doanh thu gia công	616.749.133	3.979.958.005	165.585.205	754.202.057
Mua hàng hóa	-	(6.298.000)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long				
Doanh thu gia công	-	103.532.040	-	-
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Bán thành phẩm	-	3.289.067.600	-	-
Mua hàng hóa	-	(4.052.048.842)	-	-
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex				
Bán thành phẩm	-	1.064.110.250	-	387.750.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	221.905.100	3.529.945.960	157.172.200	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012	2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến				
Bán thành phẩm	532.586.500	1.348.613.991	-	-
Doanh thu gia công	15.429.349	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú-PPJ				
Bán thành phẩm	529.230.000	3.300.419.090	-	-
Doanh thu gia công	15.657.974.157	3.300.419.090	1.717.617.641	168.050.641
Mua hàng hóa	(374.943.140)	-	-	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	1.866.094.700	915.560.270	172.262.475	167.626.800
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	6.530.965.720	-	385.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định				
Thuê đất	11.402.496	-	-	-
Góp vốn	5.000.000.000	-	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	4.529.073.000	3.645.909.000	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	828.858.000

(b) Hợp đồng thuê phải thu

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	10.813.003.909	9.645.065.172
Từ hai đến năm năm	5.128.263.947	13.681.390.448
	15.941.267.856	23.326.455.620

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.388.221.100.594	1.332.950.756.101
Chi phí nhân công	213.691.902.512	217.203.829.998
Chi phí khấu hao	60.039.837.783	61.857.077.965
Chi phí khác	214.692.148.801	126.402.797.061

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc